

VIETNAMESE FOLK SONGS OF LOVE FROM CULTURAL PERSPECTIVE

Ngô Thị Thanh Quý*, Nguyễn Minh Anh

TNU - University of Education

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	12/7/2021	Vietnamese folk songs are not only beautiful words or ideas of the folk, but also contain lessons about the culture and behavior of ancestors passed down from generation to generation. The purpose of this study is to confirm the originality of ideas, content and art of folk songs when from a cultural perspective. In what aspects is the value of cultural beauty expressed in folk songs? How do young people properly perceive the meaning of love and life, behavior in love as well as in marriage and family life? With an interdisciplinary approach to literature - culture - education, the article aims to outline the lessons of cultural behavior in folk songs and orient students to inherit and promote the beauties of culture and tradition. Culture is like a quiet source of water, imbued in each folk song. Young people can only progress and be steady in life when they stand on the basis of beautiful core values.
Revised:	09/8/2021	
Published:	09/8/2021	
KEYWORDS		
Folk songs		
Value		
Lessons		
Cultural behavior		
Students		

CA DAO VỀ TÌNH YÊU ĐÔI LỬA TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA

Ngô Thị Thanh Quý*, Nguyễn Minh Anh

Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	12/7/2021	Ca dao Việt Nam không chỉ là những lời hay ý đẹp của dân gian mà ca dao còn hàm chứa những bài học về văn hóa ứng xử của cha ông được trao truyền từ đời này qua đời khác. Mục đích của nghiên cứu này nhằm khẳng định nét độc đáo về tư tưởng, nội dung, nghệ thuật của ca dao về chủ đề tình yêu đôi lứa khi soi chiếu từ góc độ văn hóa. Giá trị của vẻ đẹp văn hóa được thể hiện ở những phương diện nào trong ca dao? Làm thế nào để giới trẻ nhận thức được đúng đắn về ý nghĩa của tình yêu và cuộc sống, về cách ứng xử trong tình yêu cũng như trong hôn nhân và hạnh phúc gia đình? Với cách tiếp cận liên ngành văn học - văn hóa - giáo dục, bài báo hướng đến khái quát những bài học ứng xử văn hóa trong ca dao và định hướng cho học sinh phổ thông kế thừa, phát huy những vẻ đẹp của văn hóa truyền thống. Những giá trị văn hóa của dân tộc được thể hiện trong những ứng xử rất tinh tế giữa con người với con người. Văn hóa như một mạch nước nguồn lặn.
Ngày hoàn thiện:	09/8/2021	
Ngày đăng:	09/8/2021	
TỪ KHÓA		
Ca dao		
Giá trị		
Bài học		
Ứng xử		
Học sinh phổ thông		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4742>

* Corresponding author. Email: quyntt@tnue.edu.vn

1. Giới thiệu

Văn học là tấm gương phản chiếu văn hóa. Phương pháp nghiên cứu văn học từ góc nhìn văn hóa ngày càng nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu ngôn ngữ, văn hóa, văn học trên thế giới. Trong công trình *Mĩ học sáng tạo ngôn từ*, tác giả M. Bakhtin xác định: “Văn học là một bộ phận không thể tách rời của văn hóa. Không thể hiểu nó ngoài cái mạch nguyên vẹn của toàn bộ văn hóa của một thời đại trong đó nó tồn tại” [1, tr. 329]. Ở Việt Nam, khuynh hướng tiếp cận văn học từ văn hóa được nghiên cứu rải rác trong suốt thế kỉ XX. Nhà phê bình Hoài Thanh với điểm nhìn văn hóa Đông, Tây đã có những nhận định sâu sắc trong “*Thi nhân Việt Nam*” (1941) [2]. Tác giả Trần Nho Thìn trong *Văn học trung đại Việt Nam* dưới góc nhìn văn hóa (2003) đã có những minh chứng cụ thể cho mối quan hệ văn học - văn hóa [3]. Tác giả Nguyễn Bá Thành với nghiên cứu: *Bản sắc Việt Nam qua giao lưu văn học* (2004) đã đưa ra những quan điểm giàu ý nghĩa về văn hóa Việt [4]. Ngoài ra một số tác giả trong giáo trình, sách chuyên khảo đã xem tác phẩm văn học dân gian như một cấu trúc văn hóa, kí hiệu văn hóa, văn bản của văn hóa, họ đã có đóng góp lớn cho việc nghiên cứu văn học từ điểm nhìn văn hóa. Nghiên cứu văn học dân gian nói chung và thể loại ca dao nói riêng từ điểm nhìn văn hóa sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn những giá trị văn hóa của dân tộc và cách thức phản ánh bức tranh văn hóa độc đáo của cha ông. Ca dao là một trong những loại hình nghệ thuật có khả năng bao quát, chạm tới mạch ngầm sâu thẳm của đời sống văn hóa cũng như chiều sâu tư tưởng, tình cảm, cảm xúc của con người. Nghiên cứu về ca dao những ý kiến chủ yếu xoay quanh các vấn đề như sau:

(1) Hướng nghiên cứu thi pháp nghệ thuật, biểu tượng trong ca dao có các bài viết quan trọng về các vấn đề như công thức truyền thống và đặc trưng cấu trúc của ca dao [5], những thể loại nghệ thuật của ca dao [6]. Trong số những nghiên cứu về lĩnh vực thi pháp, tác giả Nguyễn Xuân Kính đã đưa ra những quan điểm mang tính tổng thuật chuyên sâu về thi pháp ca dao. Trong đó có những vấn đề được trình bày sâu sắc như: thể thơ, kết cấu, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, các yếu tố nghệ thuật trong chính thể bài ca dao [7]. Nghiên cứu của các tác giả Lê Thị Thắm [8], Nguyễn Thị Ngọc Diệp [9] lại hướng vào những vấn đề chi tiết như: tìm hiểu ý niệm đôi - cặp về chủ đề hôn nhân và gia đình trong ca dao người Việt. Vấn đề ngôn ngữ, hình ảnh, biểu tượng được bàn sâu trong bài viết của các tác giả Đặng Diệu Trang [10], Ngô Thị Thanh Quý [11]. Như vậy, hướng nghiên cứu này các tác giả chủ yếu tập trung phân tích ngôn ngữ, biểu tượng, thi pháp của ca dao để khẳng định nét nghệ thuật độc đáo của thể loại hay vào bậc nhất trong kho tàng văn học dân gian.

(2) Hướng nghiên cứu ca dao từ góc nhìn văn hóa cũng đã mang lại những điểm nhìn mới mẻ cho chuyên ngành. Các tác giả thường có xu hướng đi vào những chữ “độc” trong ca dao, ví dụ như: chữ “nghĩa” [12], chữ “nhịn” [13] trong văn hóa ứng xử của người Việt, từ “trúc, mai” trong ca dao [14]. Qua tục ngữ, ca dao ta có thể tìm hiểu công cuộc xây dựng đất nước, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc [15]. Điều quan trọng hơn trong hướng nghiên cứu này là hầu hết các tác giả đều chỉ ra những vẻ đẹp của phong tục tập quán [16], những ứng xử văn hóa truyền thống của người Việt [17]. Đây là những nghiên cứu đã gợi mở chiều sâu của những trầm tích văn hóa dân tộc, tuy nhiên trong mảng ứng xử về chủ đề tình yêu đôi lứa trong ca dao chưa được đề cập đến nhiều.

(3) Hướng nghiên cứu về chủ đề ca dao và vấn đề bồi đắp tâm hồn thế hệ trẻ cũng đã được các tác giả khẳng định qua những nghiên cứu. Tìm trong kho tàng ca dao họ thấy được những bài học sâu sắc về Nhân - Trí - Dũng [18]. Các tác giả đã khẳng định ca dao, tục ngữ góp phần quan trọng trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc [19]; giáo dục giá trị đạo đức, nhân văn [20]; giáo dục văn hóa ứng xử cho các thế hệ người Việt [21]. Như vậy, nghiên cứu ca dao về chủ đề tình yêu đôi lứa từ góc nhìn văn hóa vẫn còn có những khoảng trống cần bổ sung. Vì vậy, trên cơ sở của những người đi trước bài báo này sẽ phân tích những giá trị của vẻ đẹp văn hóa được thể hiện trong ca dao về chủ đề tình yêu đôi lứa và gợi mở cho học sinh phổ thông những bài học về văn hóa ứng xử trong tình yêu qua ca dao người Việt.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nhằm đạt được mục đích đặt ra, bài báo xử lý các vấn đề theo hướng tiếp cận liên ngành: văn học - văn hóa - giáo dục. Trước hết chúng tôi tiến hành khảo sát thống kê, phân loại tư liệu trong cuốn Kho tàng ca dao người Việt [22]. Chúng tôi đã khảo sát 2225 câu trong đó có 1689 câu ca dao viết về tình yêu đôi lứa. Qua kết quả thống kê, phân loại chúng tôi rút ra những kết luận khách quan, chính xác và khoa học.

3. Nội dung

3.1. Những giá trị văn hóa trong ca dao viết về tình yêu lứa đôi

Văn hóa ứng xử là một nét đẹp trong đời sống của con người Việt Nam. Nét đẹp trong văn hoá ứng xử được cha ông ta lưu giữ, trao truyền từ đời này sang đời khác. Ngày nay, mặc dù xã hội đã có nhiều thay đổi nhưng giao tiếp ứng xử vẫn giữ được tầm quan trọng đặc biệt. Nó tạo nên các mối quan hệ đẹp có văn hóa, có đạo đức trong gia đình, cộng đồng dân cư, trong tình bạn, tình yêu, trong nhà trường, trong cả các mối quan hệ kinh tế - chính trị - ngoại giao. Nó là chìa khóa để mở ra quan hệ hợp tác, làm cho cuộc sống văn minh và tiến bộ, phát triển. Văn hóa ứng xử trong tình yêu, hạnh phúc được thể hiện qua ca dao là những bài học làm người sâu sắc đối với các thế hệ người Việt, đặc biệt có ý nghĩa đối với những người trẻ. Ca dao là tài sản tinh thần vô giá của con người Việt Nam. Cũng đã có nhiều tác giả nghiên cứu về ca dao từ những điểm nhìn khác nhau như thiên nhiên trong ca dao, phong tục tập quán trong ca dao,... nhưng quan trọng nhất vẫn là con người văn hóa trong ca dao. Trong tiến trình của sự phát triển xã hội, con người luôn tồn tại với hai vai trò: vừa là chủ thể của sản xuất vừa là đối tượng của sự phát triển. Đối với văn hóa, con người vừa chủ động tạo ra văn hóa, đồng thời con người cũng là một phần của văn hóa, chịu sự tác động của văn hóa. Con người văn hóa trong ca dao thể hiện nếp cảm, nếp nghĩ, cách ứng xử trong cuộc sống thường ngày, cách ứng xử trong tình yêu, hạnh phúc, khổ đau, bất hạnh. Họ hiện lên trong những phong tục tập quán, trong bề sâu văn hóa tâm linh. Họ tiêu biểu cho những tính cách văn hóa của dân tộc. Bài báo này đề cập đến những giá trị văn hóa và những bài học ứng xử trong tình yêu lứa đôi thể hiện qua ca dao. Những vần ca dao luôn dạy con người biết sống, biết yêu và kiêu hãnh trong tình yêu. Tình yêu đôi lứa được thể hiện ở nhiều cung bậc khác nhau và cách biểu lộ thì cũng mỗi người mỗi khác. Ca dao viết về tình yêu với tất cả những cung bậc, từ những rung động nhẹ nhàng đến lời tỏ tình tha thiết, từ nỗi nhớ nhung đến khát khao gắn bó, từ tình yêu lãng mạn với những kỉ niệm ngọt ngào và có cả những tình yêu nghiệt ngã trong sự đối mặt với những lễ giáo, định kiến xã hội,... Tất cả đều là bản đàn nhiều cung bậc và cũng hàm chứa nhiều giá trị nhân cách văn hóa của con người Việt Nam mà người trẻ rất cần tiếp nối, phát huy.

3.2. Ứng xử văn hóa trong những lời tỏ tình

Nếu tình yêu là một hành trình chinh phục thì lời tỏ tình là khúc dạo đầu thật khó khăn. Ca dao có muôn vàn cách nói chạm tới sâu thẳm trái tim con người. Nói làm sao cho người mình thương hiểu được tình cảm bấy lâu ẩn chứa trong lòng. Ca dao bắt nguồn từ đời sống. Tình yêu của nam thanh, nữ tú làng quê gắn liền với đồng ruộng, luống cày, con trâu, cây đa, giếng nước, lũy tre, sân đình. Tình yêu nam nữ cũng hiện lên phong phú đa dạng và đầy màu sắc, mang nhiều cung bậc tình cảm khác nhau: buồn vui, thương nhớ, tương tư, dỗi hờn,... Không gian, thời gian họ gặp gỡ thường diễn ra vào những dịp lễ hội, đình đám nhưng thuận lợi, phổ biến nhất là khi họ gặp nhau trong công việc đồng áng, ngày mùa. Vì thế, khi họ thổ lộ nỗi niềm trong những câu ca, thì những tâm tình ấy thường gắn liền với không gian ruộng vườn: Cô kia áo trắng lòa lòa/ Lại đây đập đất, trồng cà với anh/ Bao giờ cà chín, cà xanh/ Anh cho một quả để dành mớm con. Còn đây là lời tỏ tình rất dễ thương của chàng trai: Tóc ngang lưng vừa chùng em búi/ Để chi dài bối rối dạ anh. Cách nói của chàng trai thật hồn nhiên, thành thật và dễ thương. Anh nói như van xin, khẩn cầu cô gái hãy búi tóc lên cao đừng để tóc “châm ngang lưng” khiến lòng anh khổ não, “bối

rời"... Nhưng thật ra đó lại là một lời trách đáng yêu, một cách trách khéo léo, trách để mà khen và để tỏ lộ tình yêu, để giải bày tâm sự cùng cô gái. "Nhiều câu có lối nói tưởng như không biết gì mà vẫn thấy hay... đâu phải là chuyện yêu cầu búi tóc vì tóc khi đã được búi lên, chắc gì đã khiến anh hết bối rối, bâng khuâng" (Hoài Thanh). Một nét văn hoá của dân tộc Việt Nam thoáng hiện lên trong bài ca dao trên ở mái tóc dài của người thiếu nữ. "Hàm răng mái tóc là góc con người"- chính vì lẽ đó, nét dịu dàng, yếu điệu, thướt tha của người con gái trở nên đẹp hơn bao giờ hết nhờ mái tóc dài đen nhánh, óng ả. Người thiếu nữ duyên dáng với mái tóc đuôi gà: Một thương tóc bỏ đuôi gà/ Hai thương ăn nói mặn mà có duyên. Trong quan niệm thẩm mỹ của người Việt Nam, cái đẹp hình thức phải luôn đi liền với vẻ đẹp của tâm hồn, nội tâm. Chăm chỉ, giỏi vun vén gia đình, các cô gái sẽ là điểm tựa vững chắc cho các chàng trai dùi mài kinh sử. Mô hình: Gái thì giữ việc của nhà/ Trai thì thi đỗ cả ba khoa liền là ước mơ của biết bao cô gái. Anh về đi học cho ngoan/ Để em cửi vải kiếm quan tiền dài.

Với mong muốn lấy được người mình yêu, các chàng trai thường sử dụng lối nói bóng bẩy, hoa mỹ, với niềm khát khao cháy bỏng trong tình yêu bằng mô tuýp quen thuộc: "ước gì... để cho...": Ước gì anh hóa ra hoa/ Để em nâng lấy rồi mà cài khăn/ Ước gì anh hóa ra khăn/ Để cho em đắp, em lăn, em nằm/ Ước gì anh hóa ra gương/ Để cho em cứ ngày thường em soi/ Ước gì anh hóa ra cơi/ Để cho em đựng cau tươi, trầu vàng. Hàng loạt những vật biểu trưng mang tính chất sánh đôi được kết hợp nhuần nhuyễn tạo nên sự hòa hợp trọn vẹn và toàn mỹ: hoa - cài khăn, chăn - đắp, gương - soi, cơi - cau tươi, cơi - trầu vàng. Đây đều là những đồ vật quen thuộc trong không gian văn hoá của người Việt. Từ xưa, trầu cau đã là vật phẩm khởi đầu các lễ nghĩa của dân tộc Việt Nam. Tục ăn trầu trở thành một nếp sống đẹp, từ việc tế tự, tang lễ, cưới xin, việc vui mừng, việc gì nhân dân ta cũng lấy miếng trầu làm trọng, "Miếng trầu là đầu câu chuyện". Họ mượn trầu cau để ướm lời, thử ý "Tiện đây mời một miếng trầu/ Gọi là nghĩa cả về sau mời chào". Đôi khi chàng trai cũng không dám mạnh dạn bộc bạch tình cảm một cách trực tiếp, cho nên cách nói vòng vo lại trở nên hữu hiệu và phù hợp hơn với ngữ cảnh tỏ tình, ví như: Đường xa thì thật là xa/ Mượn mình làm mối cho ta một người/ Một người mười chín, đôi mươi/ Một người vừa đẹp, vừa tươi như mình. Cách xưng hô "mình" - "ta" vừa đủ khéo léo để người nghe không cảm thấy ngượng ngùng, vừa đủ ngọt ngào nhưng lại không "ảo", vừa đủ ẩn ý mà vẫn dễ hiểu, vừa đủ khoảng cách để gần mà xa. Đó là một cách xưng hô rất "riêng", tinh tế của người Việt Nam.

Ca dao về tình yêu đôi lứa vô cùng phong phú, ngoài những lời tỏ tình "đơn phương" từ phía chàng trai hoặc cô gái thì kho tàng ca dao còn là những lời đối đáp kín đáo, tế nhị: Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng/ Tre non đủ lá đan sàng nên chăng?/ Đan sàng thiếp cũng xin vâng/ Tre vừa đủ lá, non chăng hỏi chàng? Mặc dù khi hát đối đáp thường có đông người dự nhưng chàng trai vẫn tưởng tượng ra khung cảnh như chỉ có hai người. Vậy là, anh đã chọn "đêm trăng thanh" để ngỏ lời cùng cô gái. Quả thật, câu hỏi của chàng trai sao mà đẹp, vừa rõ ràng nhưng lại rất thảng thốt. Đây là lời tỏ tình nghiêm túc chứ không phải là một sự tán tỉnh, bông đùa. Nhằm đáp lại tấm chân tình của chàng trai, cô gái hỏi âm bằng câu trả lời rất đối chân thành và rất có duyên, hài hòa với ý tứ mà chàng trai đã hỏi: Đan sàng thiếp cũng xin vâng/ Tre vừa đủ lá, non chăng hỏi chàng? Cô gái không chỉ ngỏ lời đồng ý một cách lịch sự mà còn biết cách chất vấn, hỏi lại chàng trai để chứng minh và khẳng định cho sự đồng ý ấy. Do đó, câu trả lời của cô gái rất có duyên, chủ động và phần nào còn mang tính chất "tấn công" đối phương. Là cư dân của nền văn hóa nông nghiệp lúa nước, lời ăn tiếng nói của người Việt gắn liền với môi trường lao động, những yếu tố đó đã tạo nên những câu ca dao chân thực, giản dị thể hiện được tâm hồn mộc mạc mà tràn ngập những yêu thương của con người Việt Nam.

Tóm lại, những bài ca dao tỏ tình mãi sẽ là những bông hoa đẹp trong vườn hoa tình yêu muôn sắc ngàn hương. Nó sẽ còn tiếp tục làm rung động hàng triệu trái tim của người Việt Nam - những người luôn trân trọng, nâng niu và gìn giữ những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc. Nơi giếng nước, gốc đa, sân đình, bờ tre khóm trúc... cùng với những đêm hội hát giao duyên, đối đáp là nơi hẹn hò, nảy nở bao mối tình đẹp của trai gái làng quê. Ca dao đã ghi lại những cung bậc tình cảm trong những cảnh huống nảy sinh tình cảm lứa đôi. Những buổi cày cấy, gặt hái, tát nước, làm

cỏ nhỏ mạ, trên bến dưới thuyền giữa mênh mông sóng nước... Đó không chỉ là không gian lao động mà còn là nơi lưu giữ những trầm tích văn hoá lắng sâu trong ứng xử của người Việt.

3.3. Ứng xử văn hóa trong nỗi nhớ niềm thương

Tình yêu luôn gắn liền với nỗi nhớ. Mỗi trái tim yêu lại có cách biểu đạt riêng tiếng lòng mình. Mỗi bài ca dao đều ngân rung những nốt nhạc điệu kì của cảm xúc trong giai điệu bất tận của tình yêu cuộc sống. Những cung bậc của nỗi nhớ được khắc hoạ trong ca dao có khi là sự khắc khoải trong xa cách, những lo lắng buồn phiền khi nhớ nhưng, chia li. Yêu nhau, người ta nhớ nhau mọi lúc mọi nơi: Bốn mùa xuân - hạ - thu - đông/ Thiếp ngồi dệt vải những trông bóng chàng/ Dừa xanh trên bến Tam Quan/ Dừa bao nhiêu trái trông chàng bấy nhiêu. Cặp từ chỉ số lượng không hạn định diễn tả rất thành công nỗi nhớ nhưng vô hạn của “thiếp” khi xa “chàng”. Hình ảnh người con gái hiện ra dịu dàng, đằm thắm, luôn biết hi sinh, nhẫn nhịn. Trong xã hội phong kiến, người phụ nữ không có tiếng nói, không có quyền đòi hỏi cho hạnh phúc cá nhân của mình. Cũng vì thế mà khi nhớ người yêu, họ chỉ có thể bày tỏ tiếng lòng qua những câu hát đầy ắp nhớ thương, chất chứa tâm sự: Nhớ ai em những khóc thầm/ Hai hàng nước mắt đầm đầm như mưa/ Nhớ ai ngơ ngẩn ngơ ngẩn/ Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai? Lối nói thậm xưng với đại từ phiếm chỉ đã trở thành một thủ pháp nghệ thuật độc đáo trong ca dao. Cùng với câu hỏi tu từ và điệp từ, bài ca dao rất thành công khi diễn tả tinh tế tâm trạng nhớ mong, lo lắng, ước muốn gắn bó lứa đôi. Nhớ người yêu, người ta nhớ tới những nét duyên dáng yêu của người thương: Mình về có nhớ ta chăng? Ta về ta nhớ hàm răng mình cười. Có lẽ đó chính là hàm răng đen như hạt na, kín đáo như trong “nụ cười như thể hoa ngâu” đã hợp hồn kẻ tình si. Trong ca dao phản ánh tục nhuộm răng và hàm răng đen của người phụ nữ được ca ngợi tôn vinh như một nét đẹp văn hóa độc đáo. Răng đen là nét đẹp đáng yêu được xếp vào hàng thứ tư trong cái duyên của người con gái qua bài “Mười thương”: Răng đen ai nhuộm cho mình/ Cho duyên mình đẹp, cho tình anh say? Đó chính là vẻ đẹp văn hóa một thời của dân tộc. Nhớ thương, lo lắng, ước muốn khôn nguôi, tình cảm nồng nàn đằm thắm nhưng cách diễn đạt sao mà ý nhị: Khăn thương nhớ ai/ Khăn rơi xuống đất/ Khăn thương nhớ ai/ Khăn vắt lên vai/ Khăn thương nhớ ai/ Khăn chùi nước mắt/ Đèn thương nhớ ai/ Mà đèn không tắt? Mắt thương nhớ ai/ Mắt ngủ không yên/ Đêm qua, em những lo phiền/ Lo vì một nỗi không yên mọi bề. Nhớ thương trong bài ca dao trở nên có cung bậc, sắc điệu qua những biểu tượng nghệ thuật quen thuộc mà gợi cảm. Người con gái mượn chiếc khăn, nhờ ngọn đèn nói hộ tâm trạng mình. Trong hệ thống biểu tượng ấy, chiếc khăn được nhắc đến đầu tiên. Chiếc khăn phải chăng là kỉ vật của đôi lứa gặp gỡ? Theo thể cách vắt dòng, nỗi thương nhớ được lặp lại trong những điệp khúc. Chiếc khăn trong nghệ thuật nhân hóa đã thay lời người mang khăn, nâng niu gìn giữ khăn mà thổ lộ nỗi niềm. Kín đáo mà vẫn rất mãnh liệt. Nếu như nửa đầu bài ca là nỗi nhớ dâng đầy trong không gian thì hình ảnh ngọn đèn trong đêm không tắt lại khắc họa thêm một chiều thời gian nữa để nỗi nhớ hiện hiện đàng đàng: “Đèn thương nhớ ai/ Mà đèn không tắt”. Nỗi nhớ trong tình yêu có sức mạnh chi phối thật lớn. Nỗi nhớ biểu hiện ra bên ngoài nhờ khăn, đèn, rồi lặn vào bên trong qua ánh mắt người nhưng nhớ. Nhưng trong cách nói “Mắt ngủ không yên” dường như đã thấp thoáng những da diết, khắc khoải đan xen của một sắc diện tâm trạng khác không chỉ còn là nỗi nhớ. Thì đây, câu kết đã hé mở điều đó với người đọc: “Đêm qua em những lo phiền - lo vì một nỗi không yên mọi bề”. Hóa ra không chỉ có nhớ. Còn là pháp phóng lo phiền “không yên mọi bề” nữa. Nhưng “không yên mọi bề” - “một bề” lo lắng dằng dặc ấy là gì đằng sau sự nhớ thương mãnh liệt kia? Có lẽ đó là cái “một bề” của những pháp phóng về tương lai hạnh phúc lứa đôi. “Khăn thương nhớ ai?”/ “Đèn thương nhớ ai?”, “Mắt thương nhớ ai?” - nhưng liệu có ai đang thương nhớ đến mất ăn mất ngủ, đến ngơ ngẩn ngơ ngẩn như mình không? Và từ yêu đương, gửi trao, thương nhớ, đến “Ước gì ta ở một nhà” là cả một khoảng cách. Thân phận phụ thuộc, khó có thể tự quyết định cuộc đời mình trong xã hội xưa, những ràng buộc khắt khe tủa chiết tình yêu hạnh phúc tự do, những nỗi lo lắng thể hiện “Thương anh chẳng dám nói ra/ Sợ mẹ bằng đất sợ cha bằng trời” nhưng sợ nhất vẫn là “sợ vàng mây bạc giữa trời mau tan”, đó phải chăng là “một bề” lo lắng trong tâm hồn

người con gái? Tiếng tơ lòng của người nghệ sĩ làng quê về yêu thương tình nghĩa đã cất lên như vậy đó. Thương nhớ không lửng lơ. Thương nhớ cứ muốn neo đậu vào khát vọng về một mái ấm sum họp và tình nghĩa muôi mặn, gừng cay. Đó là điều làm nên cảm nhận sâu sắc của người đọc về tiếng nói trữ tình trong ca dao. Chiếc khăn, ngọn đèn và đôi mắt thương nhớ, những biểu tượng truyền thống ấy cứ thế mà thấm vào tâm hồn của biết bao thế hệ người Việt, chúng ta còn thấp thoáng nhận ra điều đó trong những tiếng thơ hiện đại: “Ngôi sao nhớ ai mà sao lấp lánh/ Soi sáng đường chiến sĩ giữa đèo mây/ Ngọn lửa nhớ ai mà hồng đêm lạnh/ Suối ấm lòng chiến sĩ giữa ngàn cây” (Nguyễn Đình Thi). Viết về nỗi nhớ thầm lặng trong ca dao, văn hóa ứng xử tình tế của người xưa, không thể không nhắc đến: “Thuyền ơi có nhớ bến chăng/ Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền”. Câu ca dao đã thể hiện sâu sắc nỗi nhớ thương đợi chờ, tấm lòng son sắt thủy chung của người phụ nữ. Bến ấy vững chãi trước bão dông cuộc đời, câu ca biểu lộ niềm tin và hi vọng vào một ngày mai, thuyền sẽ trở lại bến, bến sẽ gặp lại thuyền, đôi lứa sẽ được đoàn tụ yên vui hạnh phúc. Thuyền và bến là hình tượng nghệ thuật mang vẻ đẹp nhân văn, thể hiện một cách độc đáo cảm hứng nhân đạo về tình yêu đôi lứa, khát vọng được sống trong sum họp yên vui của hạnh phúc lứa đôi. Những bài ca dao nói về tình yêu, về nỗi nhớ thật khó mà kể xiết, trong đó có nhiều bài đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật và nội dung. Có lẽ chỉ tình yêu với những rung cảm mãnh liệt, bất tận mới giúp nghệ sĩ dân gian sáng tạo được những vần thơ trữ tình tuyệt bút sống mãi với thời gian.

3.4. Ứng xử văn hóa trong sự trách móc, giận hờn

Tình yêu đẹp diệu kì nhưng không phải tất cả đều đơm hoa kết trái. Những khổ đau hận tình cũng muôn cay nghìn đắng, đều in dấu trong ca dao. a) Khi bị ép duyên, trái duyên. Những con người văn hóa trong ca dao đã ứng xử thế nào? Giáo lí phong kiến khắc nghiệt xưa kia đã khiến không ít những số phận bị đẩy vào hoàn cảnh cuộc sống đau khổ, bất hạnh vì sự ép buộc cưỡng hôn của gia đình hoặc do sự phân cách giàu nghèo. Những quan niệm “môn đăng hộ đối”, “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” đã chi phối mạnh mẽ tới cuộc sống của đôi lứa yêu nhau, trong đó phụ nữ là người phải chịu nhiều đắng cay, thiệt thòi nhất. Trong cảnh ngộ đó họ bực bực lòng mình trong những tiếng than. Cay đắng mà sâu sắc, chia lìa mà vẫn thương tiếc khôn nguôi: “Rau sam ngắt ngọn còn tươi/ Những nơi em định thì trời không xe/ Những nơi chết rấp bụi tre/ Nhân duyên chẳng định gởi xe tôi vào. b) Khi bị phụ tình họ phản ứng ra sao? Hạnh phúc của con người là yêu và được yêu, nhưng lòng người là thứ khó lường. Từ xưa đến nay, không ít những tình yêu tan vỡ do sự phụ bạc. Nhất là trong xã hội xưa, khi người đàn ông được phép “năm thê bảy thiếp” thì tình duyên của người phụ nữ càng mong manh. Trong hoàn cảnh ấy họ chỉ biết trao gửi nỗi niềm trong những lời ca dao: “Đêm năm canh nghe con dế thót/ Ngày sáu khắc lần đốt ngón tay/ Hỡi ai duyên có ai bày: Duyên trăm năm lại bỏ, nghĩa một ngày lại theo? Thơ với người là một, ngôn ngữ và tấm lòng là một. Trong ca dao sáng lên những nhân cách văn hóa không ghen tuông mù quáng, không chì chiết, ngấm ngầm. Họ lặng lẽ giấu nỗi đau, mạnh mẽ vượt qua: “Em tưởng nước giếng sâu/ Em nói sợi gàu dài/ Ai ngờ giếng cạn/ Em tiếc hoài sợi dây”. c) Khi bị lỡ duyên - nuôi tiếc. Tuổi xuân của người con gái thật ngắn ngủi, thời gian “như bóng câu qua cửa sổ”, qua tuổi “còn duyên”, số phận của họ thật bẽ bàng “Còn duyên kẻ đón người đưa/ Hết duyên đi sớm về trưa mặc lòng/ Còn duyên đóng cửa kén chồng/ Hết duyên ngồi gốc cây hồng lượm hoa”. Yêu nhau không lấy được nhau, những tình cảm nảy nở muộn màng khi số phận đã an bài như “chim vào lồng”, “cá cắn câu”. Tất cả chỉ còn lại trong nỗi niềm nuôi tiếc. Những lời nhớ thương trách móc, giận hờn, khi thì nặng chịch, khi thì nhẹ nhàng, lúc xót xa, lúc lại vu vơ, song tất cả đều đầy ấp nỗi niềm, nồng đượm một tình yêu. Bởi người Việt là vậy - trọng tình và nặng tình. Giận thì giận... mà thương lại càng thương! Trong toàn bộ ca dao Việt Nam, mảng ca dao viết về tình yêu có một số lượng lớn. Có thể thấy những bài ca dao trữ tình trong tình yêu, hôn nhân, dù hạnh phúc, hay đau khổ thì những ứng xử có văn hoá của người Việt bao giờ cũng lấy tình làm trọng, lấy nghĩa làm đầu. Tình hết nhưng nghĩa còn, điều đó tạo ra mối quan hệ bền chặt, gắn bó, thiêng liêng và sâu sắc.

4. Kết luận

Qua ca dao ta có thể nhận ra “gương mặt văn hóa” trong đời sống tình cảm lứa đôi của cha ông. Những câu hò lời hẹn, những thử thách thông minh dí dỏm, những trao lời gửi ý tình tế của cha ông đã được nâng lên thành nghệ thuật giao tiếp. Tìm trong ca dao ta thấy vẻ đẹp văn hóa ứng xử tình tế, chân thành của người xưa, tình yêu của họ bao giờ cũng thủy chung, trước sau như một. Tình yêu trong ca dao đôi khi ngần ngại, e thẹn, nhưng cũng có lúc mãnh liệt hồ hởi, tha thiết. Tình yêu trong ca dao không chấp nhận sự ích kỉ, giả dối mà là những tình cảm tươi sáng, thuần khiết. Dù là tiếng yêu trong đau khổ, bất hạnh họ vẫn luôn đấu tranh để đến cái đích: được tự do lựa chọn, được yêu bằng trái tim được cùng nhau san cay, sẻ đắng chia ngọt sẻ bùi, sống trọn nghĩa của mỗi tình gừng cay, muối mặn. Những tình cảm trong ca dao sẽ giúp chúng ta nhìn nhận lại chính mình về tình yêu và cuộc sống để hạnh phúc chín trong tay. Văn hoá ứng xử trong tình yêu thể hiện ở ca dao giúp chúng ta hiểu sâu hơn về tâm hồn người Việt để sống cho xứng đáng. Tình yêu, hạnh phúc chính là cảm xúc, xuất phát từ trực cảm. Cảm xúc đó không ở đâu xa mà chính trong những suy nghĩ, rung cảm, sự tin tưởng của một người hướng về người khác. Đằng sau hành động hay cử chỉ là sự lắng nghe, dõi theo bằng cả tình cảm và sự tinh tế. Tất cả những điều đó làm nên vẻ đẹp văn hóa truyền thống, một vẻ đẹp vốn có trong tình yêu của thế hệ trước. Dù ở thời đại nào, có thực dụng tới đâu thì giá trị, sự lãng mạn trong tình yêu không thể mất đi. Việc giáo dục cho giới trẻ nhận biết đâu là tình yêu đích thực, đâu là sự cảm mến để khi bước vào đời họ trở thành những cặp đôi biết yêu thương, chăm sóc xây dựng gia đình hạnh phúc, để tế bào của xã hội phát triển, bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] M. Bakhtin, *Aesthetics of Verbal Art*. Moscow: Art Publishing House, p. 329, 1989.
- [2] H. Thanh and H. Chan, *Vietnamese poets*. Vietnam Literature Publishing House (in Vietnamese), Hanoi, 1915.
- [3] B. T. Nguyen, *Vietnamese indentity through literary exchange*. Vietnam Education Publishing House (in Vietnamese), Hanoi, 2006.
- [4] N. T. Tran, *Vietnamese medieval literature from a cultural perspective*. Vietnam Education Publishing House (in Vietnamese), Hanoi, 1998.
- [5] M. N. Bui, “Traditional formula and structural characteristics of folk songs,” (in Vietnamese), *Journal of Literature*, vol. 1, pp. 21-26, 1997.
- [6] T. Y. Pham, *The worlds of folk art*. Vietnam Education Publishing House (in Vietnamese), Hanoi, 1998.
- [7] X. K. Nguyen, *Poetry of folk songs*. National University Publishing House (in Vietnamese), Hanoi, 2006.
- [8] T. T. Le, “The concept of couple in Vietnamese folk songs about marriage and family,” (in Vietnamese), *Journal of Language and Life*, vol. 1, pp. 64-67, 2009.
- [9] D. T. Dang, “Nature with the metaphorical and symbolic world in folk songs,” (in Vietnamese), *Journal of Folklore*, vol. 1, pp. 15-23, 2006.
- [10] T. N. D. Nguyen, “The symbolic world of double waves in Vietnamese folk songs,” (in Vietnamese), *Journal of Folklore*, vol. 3, pp. 53-58, 2011.
- [11] T. T. Q. Ngo, “Reading comprehension of languages and images in Vietnamese folk songs,” (in Vietnamese), *Journal of Literary Research*, vol. 6, pp. 17-22, 2020.
- [12] D. Ha, “From the word “gratitude” in folk songs, finding a behavior in the cultural tradition of the Vietnamese people,” (in Vietnamese), *Journal of Language*, vol. 12, p. 58, 2006.
- [13] T. N. G. Tran, “Meaning of the word “forbearance” in Vietnamese and in Vietnamese behavioral culture,” (in Vietnamese), *Journal of Language*, vol. 6, pp.71-74, 2004.
- [14] X. K. Nguyen, “The meaning of the two words “truc” and “mai” in scholarly literature and in folk songs,” (in Vietnamese), *Journal of Folklore*, vol. 4, pp. 22-29, 1987.
- [15] X. K. Nguyen, “Through proverbs and folk songs in Hanoi, learn about the nation's construction and preservation of national cultural identity,” (in Vietnamese), *Journal of Folklore*, vol. 3, pp. 57-67, 1983.
- [16] V. L. Pham, *Proverbs and folk songs reflecting Vietnamese customs*. University of Social Sciences and Humanities Publishing House, Hanoi, 2000.
- [17] T. A. Tran, *Traditional behavior with nature and society of Vietnamese people in the Northern Delta through folk songs and proverbs*. Lao Dong Publishing House (in Vietnamese), 2011.

-
- [18] X. L. Nguyen, "Folk literature with fostering the national soul for the young generation," (in Vietnamese), *Journal of Folklore*, vol. 3, pp. 73-82, 1998.
- [19] K. L. Tran, "Contribution to preserving the national cultural identity in the teaching and learning of folklore in high schools," (in Vietnamese), *Journal of Folklore*, vol. 1, pp. 64-75, 2002.
- [20] D. T. Ta, "Proverbs, folk songs and lullabies with the education of moral and humanistic values," (in Vietnamese), *Journal of Folklore*, vol. 1, pp. 23-30, 1998.
- [21] T. T. Q. Ngo and T. H. Nguyen, "Educating culture and behavior for high school students through Vietnamese folk songs and proverbs," (in Vietnamese), *Journal of literary and artistic criticism*, vol. 6, pp. 80-87, 2018.
- [22] X. K. Nguyen and D. P. Nhat, *Treasure of Vietnamese folk songs*. National Center for Social Sciences and Humanities, Institute of Folklore Research, EastWest Cultural and Language Center, Culture-information (in Vietnamese), 2001.